TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 25 – 4 – 2019
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Thắng.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Son.
Ông Trần Xuân Tộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N sinh năm 1966. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Xóm 03, Thôn I, xã Đl, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.
2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn C sinh năm 1968. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn TT, xã ĐH, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.
3. Người làm chứng: Ông Đỗ Văn A sinh năm 1963. Vắng mặt.
Nơi cư trú: Thôn TT, xã ĐH, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn C kết hôn tự nguyện, đăng ký hợp pháp ngày 28/3/1989 tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Cuộc sống hạnh phúc của vợ chồng tồn tại một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm lối sống. Từ năm 1991 đến nay vợ chồng ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn ông C.

Về con chung: Bà và ông C có hai con chung là Đỗ Thị Thúy V sinh năm 1990 và Đỗ Thị Hồng H sinh năm 1991, hiện đã trưởng thành, tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2019, người làm chứng là ông Đỗ Văn Ảnh trình bày:

Em trai ông là Đỗ Văn C vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú, cư trú tại thôn TT, xã ĐH, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội chưa làm thủ tục chuyển tạm trú, tạm vắng ở đâu và ông C có nhà đất riêng tại địa phương. Do công việc bận rộn nên thỉnh thoảng ông C mới về gia đình. Tòa án đã tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng và gia đình đã thông báo tới ông C; ông C biết bà N xin ly hôn nên cũng nói lại đề N giải quyết cho vợ chồng ông được ly hôn vì tình cảm không còn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nộ i nhận xét: Quá trình tiến hành tố tụng đối với vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự quy định; nguyên đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng và đã hoãn phiên tòa nên đề N Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc.

Kiểm sát viên đề N Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị N và ông Đỗ Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề N xét xử vắng mặt. Bị đơn, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã tống đạt hợp lệ, đầy đủ văn bản tố tụng, đồng thời đã hoãn phiên tòa nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Đỗ Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hạnh phúc chỉ tồn tại một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm lối sống nên vợ chồng đã ly thân một thời gian dài từ năm 1991 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy các quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C bị vi phạm nghiêm trọng, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế, yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Nghị và ông Đỗ Văn C có hai con chung là Đỗ Thị Thúy Vân sinh năm 1990 và Đỗ Thị Hồng Hạnh sinh năm 1991 đều đã trưởng thành, do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị N xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị N được ly hôn ông Đỗ Văn C.

- *Về con chung:* Xác nhận bà Lê Thị N và ông Đỗ Văn C có hai con chung là Đỗ Thị Thúy V sinh năm 1990, Đỗ Thị Hồng H sinh năm 1991 đều đã trưởng thành, do bà N không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà N xác nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Lê Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002158 ngày 07/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
-TAND TP Hà Nội;
- VKSND Mỹ Đức;
- Chi cục THADS Mỹ Đức;
- UBND xã ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mạnh Thắng